

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH HỖ TRỢ CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRONG GIAI ĐOẠN SUY THOÁI KINH TẾ

Trịnh Kim Liên*

1. Những đổi sách kịp thời của Chính phủ

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay đã ảnh hưởng xấu đến các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đầu năm 2008 các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNVVN) Việt Nam phải đối mặt với lạm phát tăng cao, cuối năm 2008 khủng hoảng tài chính toàn cầu bùng nổ đã làm cho các doanh nghiệp của Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn: xuất khẩu sụt giảm mạnh, hàng sản xuất ra không tiêu thụ được, các đơn hàng không ký kết được, nhiều doanh nghiệp đã phá sản, cắt giảm nhân công và đứng trước nguy cơ bị biến mất khỏi thị trường.

Trước khó khăn của các doanh nghiệp trong tình hình suy thoái kinh tế, ngày 19 tháng 01 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 12/2009/QĐ-TTg về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy thoái kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Thời gian qua, các Bộ, ngành đã ban hành nhiều văn bản nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, ổn định sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, cụ thể:

- Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 quy định việc giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các

doanh nghiệp nhỏ và vừa, giãn thời gian nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 9 tháng đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 của các doanh nghiệp nhỏ và vừa và của các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, gia công chế biến nông, lâm, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử.

- Thông tư số 04/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 quy định việc tạm hoàn 90% số thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hóa thực xuất khẩu trong trường hợp doanh nghiệp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

- Thông tư số 05/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 quy định việc kéo dài thời hạn nộp thuế nhập khẩu đối với vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu của một số ngành như đóng tàu, cơ khí, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản, ngọc trai, chế biến các loại nông sản thu hoạch theo mùa vụ; đơn giản hóa thủ tục hoàn thuế, quyết toán thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu.

Triển khai thực hiện Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg ban hành một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy thoái

* Trịnh Kim Liên, Thạc sỹ kinh tế, Giảng viên Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng.

kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp; Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản sau:

- Thông tư số 12/2009/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 đối với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh một số ngành nghề: sản xuất sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng, lắp đặt, dịch vụ du lịch, kinh doanh lương thực, kinh doanh phân bón.

- Thông tư số 13/2009/TT-BTC ngày 22 tháng 01 năm 2009 quy định giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa, dịch vụ doanh nghiệp kinh doanh gặp khó khăn (than đá, hóa chất cơ bản, kinh doanh khách sạn, in (trừ in tiền)...).

- Thông tư số 18/2009/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2009 ban hành Danh mục hàng hóa của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi được giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng, áp dụng với các Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan kể từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

Tại phiên họp thường kỳ tháng 1, Chính phủ đã quyết định dành 17.000 tỷ đồng kích thích sản xuất, thông qua việc giảm 4% lãi suất vay ngân hàng cho các doanh nghiệp. Gói kích cầu này sẽ triển khai ngay trong tháng 2, nhằm tạo ra 420.000 tỷ đồng vốn vay lãi suất thấp. Ngày 23 tháng 01 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-TTg về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh. Theo đó, trong năm 2009, Nhà nước hỗ trợ lãi suất 4% cho các khoản vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức, cá nhân để làm vốn lưu động sản xuất kinh doanh.

Triển khai thực hiện Quyết định 131/2009/QĐ-TTg, ngày 03 tháng 02 năm 2009, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 02/2009/TT-NHNN quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất cho các

tổ chức và cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh.

Ngày 21 tháng 01 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 14/2009/QĐ-TTg ban hành Quy chế bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn của ngân hàng thương mại. Theo đó, đối tượng được Ngân hàng Phát triển Việt Nam bảo lãnh vay vốn là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có vốn điều lệ tối đa 20 tỷ đồng và sử dụng tối đa 500 lao động với mức bảo lãnh tối đa bằng 100% số nợ gốc và lãi phát sinh.

2. Thực tế triển khai đưa gói kích cầu đến với các doanh nghiệp

Phản hồi từ các doanh nghiệp và địa phương cho thấy, gói kích cầu đã được triển khai kịp thời, cơ chế hỗ trợ thực hiện công khai, được sự ủng hộ của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp đã bước đầu khôi phục và phát triển sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội ổn định, quý I và II/2009 kinh tế tăng trưởng cao hơn so với dự kiến.

Ngày 16 tháng 5 năm 2009, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt nam (VCCI) cùng Ngân hàng nhà nước phối hợp tổ chức Hội nghị "Đối thoại với doanh nghiệp về tháo gỡ vướng mắc trong quan hệ giữa doanh nghiệp với ngân hàng". Sau hơn 3 tháng triển khai các gói kích cầu của Chính phủ, đến 13/5, các tổ chức tín dụng đã cho vay gần 290.000 tỷ đồng vốn vay hỗ trợ 4% lãi suất trung và dài hạn. Trong số này, doanh nghiệp Nhà nước vay khoảng 23%, ngoài nhà nước vay hơn 58%. Theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước, cơ chế hỗ trợ lãi suất của Chính phủ rất kịp thời và giúp tháo gỡ khó khăn cho nhiều doanh nghiệp. Tại Tp. HCM, ưu đãi lãi suất đã giúp doanh nghiệp giảm 36% chi phí vốn vay qua đó giảm giá thành sản phẩm khoảng 2 - 4,65%.

Số liệu của VCCI cũng cho thấy chuyển biến tích cực. 5 tháng trước, khoảng 20% doanh nghiệp tham gia khảo sát của VCCI có nguy cơ phá sản, 60% khó khăn và 20%

cho biết có thể trụ được. Nhưng số liệu mới nhất của VCCI cho thấy, 91% doanh nghiệp tham gia khảo sát tuyên bố có thể duy trì hoạt động trong số đó 50% đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh.

Nhằm thực hiện các giải pháp tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của các tổ chức cá nhân, thời gian qua, Ngân hàng nhà nước đã thực hiện linh hoạt, đồng bộ các giải pháp nhằm hỗ trợ vốn cho các nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Trong đó, chú trọng thực hiện tăng cường huy động vốn, mở rộng tín dụng có hiệu quả, áp dụng lãi suất cho vay hợp lý, cơ cấu lại thời hạn trả nợ; xem xét, chủ động giảm lãi suất cho vay các khoản nợ được ký kết trước đây xuống mức lãi suất cho vay hiện hành; đồng thời chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên vốn cho lĩnh vực sản xuất, xuất khẩu - nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu, nông nghiệp - nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa; cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo, học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác.

Tuy nhiên, vì gói kích cầu của Chính phủ vừa mới được triển khai nên chưa thể đánh giá một cách toàn diện tác động của nó. Tuy nhiên, trên thực tế, có thể thấy rằng trong thời gian qua chính sách kích cầu của Chính phủ chưa thực sự tác động mạnh đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp do một số hạn chế còn tồn tại sau:

Một là, thủ tục tiếp cận gói kích cầu còn rườm rà.

Các doanh nghiệp cho rằng tốc độ giải ngân vẫn còn chậm một phần vì thủ tục của ngân hàng còn rườm rà. Thời gian giải quyết cho một khoản vay ngắn hạn thông thường là 3 đến 5 ngày làm việc cho một khoản vay trung, dài hạn là 5 đến 7 ngày làm việc. Nhưng trong thực tế các ngân hàng lại có thời gian giải quyết cho vay lâu hơn thời gian nêu trên. Nguyên nhân chủ yếu là do khách hàng không có đủ thông tin nên chưa cung cấp đủ hồ sơ theo quy định của ngân hàng hoặc phương án kinh doanh chưa đầy đủ, phải lập bổ sung, hoặc do vượt thẩm

quyền phán quyết của chi nhánh ngân hàng. Do đó, khách hàng cần phải gửi hồ sơ, yêu cầu đến trụ sở chính của ngân hàng để xem xét, phê duyệt.

Thủ tục vay ngoại tệ yêu cầu phải ký quỹ, buộc doanh nghiệp phải có vốn đối ứng 10-20% mới cho vay ngoại tệ gây khó khăn, thiệt thòi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu. Cung - cầu ngoại tệ căng thẳng, ngân hàng tìm cách lách luật để bán với giá vượt trần cho phép. Doanh nghiệp không còn lựa chọn, chấp nhận giá cao nhưng nhiều khi muốn mua ngoại tệ cũng không được.

Hai là, khó vay được nguồn vốn mới từ ngân hàng do lãi vay và nợ quá hạn năm 2008 trở về trước còn cao.

Trước năm 2009, các khoản nợ cũ của doanh nghiệp với lãi suất rất cao. Do suy giảm kinh tế nên nhiều doanh nghiệp không giả nợ kịp. Theo quy định mới về hỗ trợ lãi suất thì các doanh nghiệp này không đủ điều kiện để vay vốn. Theo quy định của pháp luật, không bắt buộc doanh nghiệp phải trả nợ cũ rồi mới cho vay mới. Tuy nhiên, các ngân hàng thương mại khi cho vay thường xử lý theo quy định cho vay thông thường. Trước tình thế này, nhiều doanh nghiệp có mong muốn được giảm lãi suất nợ cũ.

Một số doanh nghiệp cho rằng, quy định doanh nghiệp muốn vay hỗ trợ lãi suất thì phải thanh toán hết, hoặc phải chờ đến hạn thanh toán các khoản nợ cũ lãi suất cao, là một quyết định bất hợp lý; doanh nghiệp vướng nợ cũ đã khó khăn, không được vay ưu đãi mới nên khó vẫn hoàn khó. Xu hướng chung là các doanh nghiệp tìm cách trả nợ vốn cũ có lãi suất cao để chuyển sang vay món mới được bù lãi suất. Tuy nhiên, chỉ những doanh nghiệp nào có điều kiện mới làm được, các doanh nghiệp khó khăn thì đành chịu. Mặc dù việc trả nợ trước hạn, đảo nợ là không khuyến khích nhưng trong tình hình hiện nay các doanh nghiệp đang cố gắng tận dụng các cơ hội để giảm chi phí tài chính.

Lý do được đưa ra là năm 2009, mặc dù lãi suất cho vay giảm xuống chỉ còn khoảng 10,5% song điều kiện và thủ tục cho vay đã được siết chặt lại do năm 2008 nhiều ngân hàng đã bị thua lỗ, chịu nợ xấu do đầu tư, kinh doanh và cho vay vào lĩnh vực kinh doanh địa ốc và chứng khoán; cơn bão khủng hoảng tài chính toàn cầu đã làm cho thị trường địa ốc đóng băng và thị trường khủng hoảng sụt giảm nghiêm trọng gây thua lỗ nặng cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư nên ngân hàng buộc phải thắt chặt lại hoạt động cho vay vốn.

Thực tế, từ ngày 15/04/2009, Ngân hàng Công thương Việt Nam cùng các Ngân hàng Thương mại nhà nước khác và Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam đã có văn bản chỉ đạo toàn hệ thống giảm các mức lãi suất cho vay trước đây và cung cấp vốn trên thị trường.

Ba là, những khó khăn cố hữu của DNNVV trong tiếp cận vốn vay của ngân hàng như không có tài sản thế chấp, thiếu thông tin để tiếp cận các nguồn vốn.

Thực tế cho thấy quy mô của doanh nghiệp càng lớn thì khả năng tiếp cận vốn ngân hàng càng dễ, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng dễ tiếp cận vốn hơn so với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp nhỏ và vừa. DNNVV không nắm bắt được nhiều thông tin về các kênh tiếp cận và huy động vốn: Theo kết quả khảo sát 200 doanh nghiệp do Cục Phát triển Doanh nghiệp (ASMED) phối hợp với UNIDO thực hiện năm 2008 cho thấy nhận thức và hiểu biết về các nguồn vốn bên ngoài của DNNVV còn nhiều hạn chế. Hầu hết các doanh nghiệp muốn có thêm vốn để phát triển kinh doanh đều chỉ nghĩ đến các nguồn vốn vay từ ngân hàng. Bên cạnh nguồn vốn vay ngân hàng còn có các nguồn vốn khác như cho thuê tài chính, bao thanh toán và quỹ đầu tư mạo hiểm. Tuy nhiên, có tới 45% các doanh nghiệp được khảo sát cho biết họ không biết về cho thuê tài chính, bao thanh

toán là 63% và quỹ đầu tư mạo hiểm là 62%. Như vậy kết quả tất yếu là DNNVV rất ít quan tâm và không biết nhiều đến các kênh huy động vốn, tài chính ngoài kênh huy động từ ngân hàng.

So với các loại hình doanh nghiệp khác, DNNVV và đặc biệt là các DNNVV ngoài quốc doanh vẫn cảm thấy có nhiều bất lợi khi tiếp cận các khoản vay ngân hàng. Đặc biệt là các ngân hàng thường thích cho vay các doanh nghiệp lớn và DNNN hơn là các DNNVV ngoài quốc doanh. Các doanh nghiệp được khảo sát trong cuộc điều tra trên của ASMED và UNIDO rất đồng ý về việc có được mối quan hệ tốt với ngân hàng sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ngân hàng dễ dàng hơn. Điều này cho thấy sự thiếu minh bạch và không thống nhất trong thủ tục và quyết định cho vay của các ngân hàng đối với các DNNVV.

3. Một số giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận được các nguồn vốn hỗ trợ

Việc xác định rõ và đúng những khó khăn và thách thức đối với DNNVV trong giai đoạn sau lạm phát và khủng hoảng tài chính toàn cầu là hết sức quan trọng, là cơ sở để Chính phủ ban hành những chính sách hỗ trợ phù hợp. Để giúp các DNNVV khắc phục các khó khăn và thách thức, tiếp cận với nguồn vốn được hỗ trợ lãi suất 4% và các nguồn vốn thuận lợi cần quan tâm đến một số giải pháp sau:

a) Cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho quan hệ tín dụng và dịch vụ giữa doanh nghiệp và ngân hàng.

Ngân hàng Nhà nước cần tiếp tục tích cực triển khai các nhiệm vụ về cải cách hành chính nhà nước nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp, cụ thể là:

- Đổi mới, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về tiền tệ và hoạt động của ngân hàng. Điều hành các công cụ chính sách tiền tệ, lãi

suất tỷ giá linh hoạt, phù hợp với mục tiêu khuyến khích sản xuất, xuất khẩu, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Thực hiện các giải pháp nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của các tổ chức, cá nhân, góp phần thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội.

- Đẩy mạnh công tác rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực ngân hàng; triển khai và thực hiện có hiệu quả Đề án Đơn giản hoá thủ tục hành chính đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đẩy mạnh việc phân cấp, uỷ quyền của Thống đốc cho thủ trưởng các đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ngân hàng nhà nước trước hết là trong các lĩnh vực tài chính, quản lý cán bộ, cấp phép.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý của Ngân hàng nhà nước.

b) *Đổi mới việc chỉ đạo điều hành từ phía Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng thương mại.*

Để hỗ trợ có hiệu quả cho các DNNVV vượt qua những khó khăn do cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu gây ra, đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét một số biện pháp sau đây:

Nên bù lãi suất cho nợ vay cũ ra các DN có vướng nợ cũ, đặc biệt là những DN làm hàng xuất khẩu đã mua dự trữ nguyên vật liệu với giá cao trước đây và DN có hàng xuất khẩu bị tồn kho do ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế thế giới. Ngân hàng Nhà nước cần tăng cường chỉ đạo các ngân hàng thương mại giãn nợ, khoan nợ cho các DNNVV gặp khó khăn thực sự. Ngân hàng Nhà nước cần tăng cường chỉ đạo song song với gói kích cầu lãi suất với yêu cầu các ngân hàng thương mại phải rà soát và thực hiện phương án tái cơ cấu nợ, giãn nợ, khoan nợ cho DN.

Ngân hàng Nhà nước cần có những điều chỉnh nổi lỏng đối với điều kiện cho vay, trích lập dự phòng hoặc những biện pháp kỹ

thuật khác để ngân hàng thương mại chủ động và mạnh dạn trong việc xử lý cơ cấu nợ, giãn nợ, khoan nợ cho DN.

Ngân hàng Nhà nước cần tăng cường chỉ đạo, nhắc nhở một số ngân hàng thương mại điều chỉnh hợp lý mức lãi suất của những khoản nợ đã vay với lãi suất trước năm 2009 cho phù hợp, tránh để doanh nghiệp thua thiệt nhiều do vay vốn với lãi suất quá cao ở những năm trước 2009.

c) *Các giải pháp từ phía ngân hàng thương mại.*

DNNVV là khách hàng lớn, khách hàng rất tiềm năng của các ngân hàng thương mại, khi các DNNVV gặp khó khăn và làm ăn thua lỗ sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của ngân hàng. Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay các ngân hàng thương mại cần có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các DNNVV vay vốn tại ngân hàng, cụ thể:

- Các ngân hàng thương mại cần rà soát, tái cơ cấu lại các khoản nợ, khoan nợ, giãn nợ cho các DNNVV gặp khó khăn thực sự.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong thủ tục cho vay vốn, đẩy nhanh tiến độ thẩm định hồ sơ vay vốn, hạn chế và loại bỏ những tiêu cực liên quan đến việc cho vay vốn của nhân viên ngân hàng.

d) *Các giải pháp từ phía DNNVV.*

Để có thể tiếp cận và huy động được nguồn vốn trong giai đoạn hiện nay thì các DNNVV cần thực hiện các giải pháp sau:

- Đầu tư có trọng điểm, xây dựng phương án kinh doanh khả thi và chuyên nghiệp:

Một trong những điều kiện quan trọng để DNNVV vsay được vốn đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh là phải có phương án kinh doanh sử dụng vốn khả thi với báo cáo tài chính trong sạch, minh bạch và chính xác. Mặt khác cần chủ động tạo dựng mối quan hệ với ngân hàng và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, giấy tờ mang tính bắt buộc theo quy định trong hồ sơ vay vốn, tránh tình trạng doanh nghiệp khai hồ sơ không

đúng, thiếu,... bị ngân hàng trả về do không hợp lệ.

- Mở rộng tiếp cận với các nguồn vốn ngoài ngân hàng:

Một trong những điểm rất hạn chế trong huy động vốn của các DNNVV là ngoài kênh huy động vốn từ gia đình, bạn bè, người thân và ngân hàng thì hầu như các DNNVV không biết đến các huy động vốn khác khá nhanh và hiệu quả như: cho thuê tài chính, bao thanh toán và quỹ đầu tư mạo hiểm. Vì vậy, các DNNVV cần thường xuyên và chủ động nắm bắt thông tin để có thể tìm tới các kênh huy động vốn khác ngoài vay vốn ngân hàng.

e) Các biện pháp hỗ trợ khác.

- Giải pháp về chính sách thuế: Trong giai đoạn hiện nay, chính sách thuế cần được điều chỉnh cho hợp lý nhằm khuyến khích các doanh nghiệp tích tụ vốn và đầu tư thay đổi công nghệ, hiện đại hóa sản xuất, hạ giá thành sản phẩm,... Nhà nước cần điều chỉnh phù hợp 2 loại thuế: thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng nhằm góp phần nâng cao tự chủ về vốn cho DN, khuyến khích doanh nghiệp tích cực tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển, ngăn chặn tình trạng suy thoái kinh tế.

- Giải pháp về phát triển thị trường cho doanh nghiệp: Cải thiện khuôn khổ pháp lý, các thể chế và chính sách điều tiết hỗ trợ và thúc đẩy thị trường chính là nhân tố quyết định tính chất của môi trường kinh tế vi mô, thúc đẩy hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin quảng bá cho các doanh nghiệp để thu hút đầu tư.

- Ngoài ra, cần tiếp tục hỗ trợ và có chính sách phát triển thị trường chứng khoán và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia vào thị trường chứng khoán nhằm huy động nguồn vốn. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết để thu hút nguồn vốn và cải thiện trình độ khoa học quản lý, phát triển kinh doanh.

Thực tế cho thấy gói kích cầu không thể là giải pháp chung cho toàn thể các doanh nghiệp, bởi tình hình khó khăn của mỗi doanh nghiệp không giống nhau. Các doanh nghiệp cần phải tự nỗ lực vượt qua chứ không thể dựa hoàn toàn vào nhà nước, bởi nhà nước chỉ là người hà hơi, tiếp sức. Một kế hoạch kinh doanh hiệu quả sẽ cứu doanh nghiệp trong thời kỳ khó khăn này.

Năm 2009 là một năm với nhiều khó khăn, thách thức rất lớn đối với các doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng. Nhưng với các giải pháp hỗ trợ của Chính phủ, chính sách của Ngân hàng Nhà nước mềm dẻo linh hoạt cùng với sự nỗ lực của các doanh nghiệp chúng ta có thể tin tưởng rằng các doanh nghiệp Việt Nam sẽ thoát khỏi tình trạng khó khăn hiện nay để phát triển đạt được các chỉ tiêu đã đặt ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội mà Quốc hội đã đề ra cho năm 2009./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ASMED, UNIDO (2008), Báo cáo kỹ thuật "Tài chính Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam", Nhà xuất bản Thống kê.
- Thông điệp của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, "Đề cập giải pháp chủ yếu trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội năm 2009" đăng tải trên trang web dantri.com, 2009.
- Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 23/1/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất - kinh doanh.
- Các trang web:
<http://www.baovietnam.vn/kinh-te/184252/24/Doi-thoi-doanh-nghiep>, truy cập ngày 26 tháng 6 năm 2009.
<http://www.sctbinhduong.gov.vn/Print.aspx?t=abid=224&id=479>, truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2009.
http://www.dongnai.gov.vn/cong-dan/tin_thuongmai-dulich/2009021, truy cập ngày 26 tháng 6 năm 2009.
<http://dddn.com.vn/20081225101612730cat119/hop-chinh-phu-cuoi-nam>, truy cập ngày 26 tháng 6 năm 2009.